

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày 20-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiền và ông Nguyễn Quang Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Linh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2024/LTST-HS, ngày 25 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Đỗ Văn L1, sinh năm 1968; Nơi sinh: tại tỉnh Nam Định; Địa chỉ nơi ở trước khi bị bắt: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1936; có vợ bà Vũ Thị M, sinh năm 1975 (đã ly hôn) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2023, đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Nô – Có mặt.

Bị hại: Ông Phạm Văn L2, sinh năm 1955, địa chỉ thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1972, địa chỉ thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1963 – Có mặt và bà Bùi Thị C – Vắng mặt, cùng địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/11/2021, Phạm Văn L2 có hành vi lấy trộm 01 túi xách bên trong có số tiền 2.500.000 đồng và 01 máy tính xách tay, 01 điện thoại di động ở thôn X, xã Đ, huyện K nên bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô tiếp nhận, xác minh theo trình tự tố tụng hình sự. Ngày 01/12/2021, Phạm Văn L2 đi đến quán cà

phê nhà ông Nguyễn Thanh H ở buôn K, xã Đ, huyện K thì gặp Đỗ Văn L1, L2 kể cho L1 nghe về việc lấy trộm túi xách thì L1 nói L1 có quen biết với nhiều người, có quen biết với người làm ở Công an tỉnh Đắk Nông sẽ giúp được cho L2 không bị xử lý hình sự mà chỉ bị xử phạt hành chính, nghe vậy thì L2 đồng ý và nhờ L1 giúp đỡ. Đến ngày 02/12/2021, L1 gọi điện cho L2 nói L1 đã xem hồ sơ, 03 ngày nữa L2 sẽ bị bắt giam nhưng L1 đã xử lý xong, xin cho L2 chỉ phải nộp phạt số tiền 100.000.000 đồng và không phải đi tù thì L2 đồng ý. Đến ngày 03/12/2021, do không có tiền nên L2 nói với L1 là L2 không lo được tiền và chấp nhận đi tù thì L1 không đồng ý, yêu cầu L2 phải đưa tiền vì đã lỡ nhờ người rồi thì L2 về tìm cách vay tiền. Đến chiều ngày 04/12/2021, sau khi có tiền thì L2 và L1 hẹn gặp nhau vào lúc 18 giờ cùng ngày ở nhà Nguyễn Thanh H. Khoảng 18 giờ cùng ngày, L2 đi đến nhà H thì gặp Đỗ Văn L1 và Đặng Thị L. Tại đây, L2 đưa cho L1 số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) rồi L1 cam kết công việc của L2 đã xong, từ giờ trở đi L2 được tự do, đồng thời L1 viết 01 giấy biên nhận tiền với nội dung Đỗ L1 nhận 100.000.000 đồng của Phạm Văn L2 mục đích để “*xử lý về công việc phát sinh về vụ nhặt túi vừa qua. Kể từ ngày làm giấy biên nhận này thì anh Phạm Văn L2 hoàn toàn được tự do*”, L1 yêu cầu đưa thêm chi phí đi lại thì L2 đưa thêm số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền Đỗ Văn L1 đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 24/8/2022, Phạm Văn L2 bị TAND huyện Krông Nô tuyên phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, L2 chấp hành án xong ngày 17/6/2023. Ngày 18/9/2023, Phạm Văn L2 làm đơn tố giác Đỗ Văn L1 về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

*** Vật chứng vụ án:** Các tài liệu Phạm Văn L2 giao nộp:

- 01 giấy biên nhận tiền đề ngày 04/12/2021 có chữ ký, chữ viết của Đỗ L1; chữ ký, chữ viết người làm chứng Nguyễn H;

- 18 dữ liệu ghi âm cuộc nói chuyện giữa Đỗ Văn L1 với Phạm Văn L2 được lưu trữ trong thẻ nhớ nhãn hiệu Micro SDHC, loại 4GB, màu đen;

Tại Bản kết luận giám định số 421/KL-KTHS ngày 13/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông, kết luận:

- + Chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Văn L1 trên tài liệu cần giám định (giấy biên nhận ngày 04/12/2021) so với chữ ký, chữ viết của Đỗ Văn L1 trên tài liệu mẫu so sánh (02 bản tự khai của Đỗ Văn L1) là do cùng một người ký, viết ra.

- + Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn H trên tài liệu cần giám định (giấy biên nhận ngày 04/12/2021) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thanh H trên tài liệu mẫu so sánh (01 bản tự khai của Nguyễn Thanh H) là do cùng một người ký, viết ra.

- + Chữ viết phần nội dung và đề mục “Người viết giấy cam kết” trên tài liệu cần giám định (giấy biên nhận ngày 04/12/2021) so với chữ viết của Đỗ Văn L1 trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

- + Chữ viết đề mục “Người làm chứng” trên tài liệu cần giám định (giấy biên nhận ngày 04/12/2021) so với chữ viết của Nguyễn Thanh H trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 24/Ctr-VKS-KrN, ngày 25/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố bị cáo Đỗ Văn L1 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn L1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô và thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông khẳng định việc truy tố Đỗ Văn L1 ra trước Tòa án nhân dân huyện Krông Nô để xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và giữ nguyên bản Cáo trạng 24/Ctr-VKS-KrN, ngày 25/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn L1 phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L1 từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 18/11/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đỗ Văn L1 đã tác động gia đình bồi thường cho ông Phạm Văn L2 số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*). Tại phiên tòa ông Phạm Văn L2 yêu cầu bị cáo Đỗ Văn L1 bồi thường số tiền 50.000.000 đồng còn lại, bị cáo L1 đồng ý bồi thường cho ông Phạm Văn L2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo Đỗ Văn L1 phải bồi thường cho ông Phạm Văn L2 số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Về xử lý vật chứng: Vật chứng là các tài liệu giấy tờ tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Đỗ Văn L1 sau khi được nghe Phạm Văn L2 kể về

việc đã lấy trộm 01 túi xách bên trong có số tiền 2.500.000 đồng và 01 máy tính xách tay, 01 điện thoại di động ở thôn X, xã Đ, huyện K. Vào ngày 04/12/2021 tại nhà ông Nguyễn Thanh H ở buôn K, xã Đ, huyện K, bị cáo Đỗ Văn L1 đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối có nhiều mối quan hệ ở Công an tỉnh Đắk Nông, bị cáo L1 sẽ lo cho Phạm Văn L2 không bị xử lý hình sự. Do tin tưởng nên Phạm Văn L2 đã đưa cho bị cáo L1 số tiền 102.000.000 đồng (*một trăm lẻ hai triệu đồng*).

Như vậy, bị cáo Đỗ Văn L1 đã phạm vào tội “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo L1 gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù biết dùng tiền chạy án là hành vi trái pháp luật và bản thân không có khả năng xin giảm án cho người khác nhưng bị cáo L1 đã dùng thủ đoạn gian dối, hứa hẹn để chiếm đoạt số tiền 102.000.000 đồng (*Một trăm lẻ hai triệu đồng*) của ông Phạm Văn L2. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như công tác đấu tranh, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường trả lại cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người bị hại Phạm Văn L2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đỗ Văn L1. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Đối với người đàn ông tên L3 (không rõ nhân thân lai lịch) và người đàn ông tên Đ (không rõ nhân thân lai lịch), Đỗ Văn L1 khai sau khi nhận 100.000.000 đồng từ ông L2 đã đưa cho L3, Đ để giúp đỡ, xử lý cho Phạm Văn L2 nhưng không

có căn cứ xác định nhân thân, lai lịch của L3, Đ, không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết.

[7]. Đối với Nguyễn Thanh H, Đặng Thị L không biết và không hưởng lợi, giúp sức gì cho Đỗ Văn L1 nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đỗ Văn L1 đã tác động gia đình bồi thường cho ông Phạm Văn L2 số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*). Tại phiên tòa bị hại ông Phạm Văn L2 yêu cầu bị cáo Đỗ Văn L1 phải trả lại số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo Đỗ Văn L1 phải bồi thường cho ông Phạm Văn L2 số tiền còn lại mà bị cáo đã chiếm đoạt là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về xử lý vật chứng: Vật chứng là các tài liệu giấy tờ tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

[10]. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Văn L1 phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm là $(50.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 2.500.000 \text{ đồng}$ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn L1 phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L1 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 18/11/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Văn L1 phải bồi thường cho ông Phạm Văn L2 số tiền là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

3. Về xử lý vật chứng: Vật chứng là các tài liệu giấy tờ tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa

án. Buộc bị cáo Đỗ Văn L1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi
nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện Krông Nô;
- Cơ quan THA.HS-CA huyện Krông Nô;
- Chi cục THA.DS huyện Krông Nô;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Nhi